

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật
và công nghệ mới ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới áp dụng cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này không điều chỉnh các nội dung sau:

- a) Việc công nhận giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản;
- b) Việc khảo nghiệm, thử nghiệm, đăng ký lưu hành vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới (sau đây viết tắt là tiến bộ kỹ thuật)* là sản phẩm tạo ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp ứng dụng.

Tiến bộ kỹ thuật phải đáp ứng quy định tại Điều 6 của Thông tư này và do cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. *Hội đồng Khoa học công nghệ cơ sở* là Hội đồng do tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân và năng lực chuyên môn phù hợp thành lập.

3. *Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật* là Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, xem xét công nhận tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

1. Quyền của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

a) Được quảng cáo, công bố và chuyển giao kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm về quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

a) Chịu trách nhiệm về xuất xứ và các tài liệu liên quan của tiến bộ kỹ thuật;

b) Có quy trình hướng dẫn kỹ thuật và văn bản báo cáo địa phương nơi triển khai thực hiện tiến bộ kỹ thuật biết để phối hợp quản lý, theo dõi;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CÔNG NHẬN
VÀ HỦY BỎ TIẾN BỘ KỸ THUẬT****Điều 5. Căn cứ công nhận tiến bộ kỹ thuật**

Việc công nhận tiến bộ kỹ thuật dựa vào 1 trong 2 căn cứ sau:

1. Sản phẩm hoặc một phần sản phẩm tạo ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

2. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp ứng dụng.

Điều 6. Điều kiện công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, giải pháp mới phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và cạnh tranh cao;
- b) Sản phẩm phải được chứng nhận chất lượng đạt yêu cầu, giảm thiểu tác động đến môi trường, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên, có triển vọng mở rộng sản xuất, góp phần ổn định an sinh xã hội.

2. Đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, sản phẩm nhằm cạnh tranh hoặc thay thế sản phẩm tương tự đã có được công nhận trong thời gian gần nhất, ngoài quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Tiết kiệm tối thiểu 5% chi phí sản xuất;
- b) Năng suất vượt trên 10%.

Điều 7. Trình tự, thủ tục đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật. Hồ sơ phải được niêm phong, ghi rõ địa chỉ.

2. Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (*Mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư này*);

b) Báo cáo kết quả thực hiện tiến bộ kỹ thuật (*Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này*);

c) Nhận xét, đánh giá của các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật (đối với nhận xét, đánh giá của cá nhân phải có xác nhận chữ ký người nhận xét của cấp có thẩm quyền tại địa phương) và biên bản thẩm định, đánh giá hiện trường (nếu có) (*Mẫu 3a và Mẫu 3b ban hành kèm theo Thông tư này*);

d) Tài liệu họp Hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (*Mẫu 4, Mẫu 5a (hoặc Mẫu 5b), Mẫu 6, Mẫu 7a ban hành kèm theo Thông tư này*) và văn bản giải trình các ý kiến đóng góp của Hội đồng.

3. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật kiểm tra, kết luận hồ sơ (*Mẫu 4 ban hành kèm theo Thông tư này*) và thông báo bằng văn bản về tính hợp lệ của hồ sơ đến tổ chức, cá nhân đăng ký.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi về Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Trong vòng 10 (mười) ngày, sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 8. Thẩm định tiến bộ kỹ thuật

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật tổ chức họp thẩm định tiến bộ kỹ thuật.

Thẩm định tiến bộ kỹ thuật thực hiện theo một trong hai hình thức:

1. Hội đồng tư vấn công nhận tiến bộ kỹ thuật (sau đây gọi là Hội đồng)

Hội đồng có 07 (bảy) hoặc 09 (chín) thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, 02 (hai) ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó:

a) Chủ tịch (là lãnh đạo cơ quan) và thư ký khoa học của Hội đồng thuộc Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật;

b) Một (01) thành viên đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

c) Một (01) thành viên đại diện tổ chức, địa phương nơi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Ngoài các thành viên Hội đồng, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật cử 01 (một) thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức phiên họp Hội đồng.

Phiên họp Hội đồng được tổ chức khi có ít nhất 2/3 trong tổng số thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

2. Tổ chuyên gia tư vấn công nhận tiến bộ kỹ thuật (sau đây gọi là Tổ chuyên gia)

Tổ chuyên gia có 03 (ba) hoặc 05 (năm) thành viên, gồm: Tổ trưởng, thư ký và các ủy viên. Tổ trưởng (là lãnh đạo cơ quan) và thư ký thuộc Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

3. Các thành viên khác của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia là người am hiểu về lĩnh vực liên quan đến tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận.

Kết luận của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia được thống nhất khi có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt tán thành.

Trong trường hợp cần thiết Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia đề nghị Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật thành lập đoàn để thẩm định, đánh giá hiện trường áp dụng tiến bộ kỹ thuật. Biên bản thẩm định, đánh giá theo Mẫu 3b ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng, Tổ chuyên gia:

a) Tác giả, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện có tên trong tiến bộ kỹ thuật;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của tác giả, thành viên chính tham gia thực hiện tiến bộ kỹ thuật hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với tổ chức hoặc tác giả tiến bộ kỹ thuật.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc;

b) Hội đồng cử 03 thành viên vào ban kiểm phiếu, trong đó có một trưởng ban;

c) Đại diện tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật trình bày báo cáo kết quả thực hiện tiến bộ kỹ thuật theo quy định tại Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thành viên hội đồng nêu câu hỏi về kết quả và các vấn đề liên quan đến tiến bộ kỹ thuật. Đại diện tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật trả lời các câu hỏi (nếu có);

đ) Phản biện đọc nhận xét;

e) Hội đồng thảo luận và đánh giá tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu 5a (hoặc Mẫu 5b) và Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp;

h) Thư ký Hội đồng thông qua biên bản theo Mẫu 7a ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

a) Tổ trưởng Tổ chuyên gia thống nhất và thông qua nội dung làm việc;

b) Tổ chuyên gia nêu câu hỏi về các vấn đề liên quan đến tiến bộ kỹ thuật. Đại diện tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật trả lời các câu hỏi (nếu có);

c) Tổ chuyên gia thảo luận và đánh giá tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu 5a (hoặc Mẫu 5b) và Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Tổ trưởng Tổ chuyên gia kết luận, thư ký Tổ thông qua biên bản theo Mẫu 7b ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Sau phiên họp chính thức, tối đa không quá 05 (năm) ngày làm việc, Hội đồng, Tổ chuyên gia có trách nhiệm chuyển toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu liên quan cho Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Trường hợp thống nhất với kết luận của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ